

**BÁO CÁO**  
**Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã**  
**9 tháng năm 2022**

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH-13;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Phú Lương về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022 huyện Phú Lương;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Tức Tranh về việc phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2022;

Ủy ban nhân dân xã Tức Tranh báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 9 tháng năm 2022, cụ thể như sau:

**I/. Thu ngân sách:**

\* **Tổng thu ngân sách 9 tháng năm 2022 : 7.347.343 nghìn đồng, đạt 107,14% so với dự toán, trong đó:**

1/. **Các khoản thu xã hưởng 100% : 354.155 nghìn đồng, đạt 153,98% so với dự toán, cụ thể:**

- Thu từ phí lệ phí : Thực hiện 743.506 nghìn đồng, đạt 73,5% so với dự toán năm 2022;

- Thu khác : Thực hiện 97.800 nghìn đồng, đạt 75,2% so với dự toán năm 20122;

**2/. Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ: 465.503 nghìn đồng, đạt 93,3% so với dự toán, cụ thể:**

- Lệ phí trước bạ nhà đất 636.667 nghìn đồng.

- Lệ phí môn bài cá nhân, hộ kinh doanh: 28.200 nghìn đồng

- Thuế GTGT 62.933 nghìn đồng, đạt 57,2% so với dự toán;

- Thuế sử dụng đất phi nông 13.673 nghìn đồng ;

- Thuế thu nhập cá nhân: 294.030 nghìn đồng đạt 108,9% kế hoạch

**3/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 6.467.684 nghìn đồng, đạt 105,5% so với dự toán năm 2022, cụ thể:**

- Thu bổ sung cân đối : 4.550.000 nghìn đồng, đạt 74,2% so với dự toán năm 2022;

- Thu bổ sung có mục tiêu: 1.917.684 nghìn đồng.

## **II/. Chi ngân sách:**

**Tổng chi ngân sách 9 tháng năm 2022: 6.099.680 nghìn đồng, đạt 89% so với dự toán năm 2022, trong đó:**

**1/. Chi đầu tư phát triển: thực hiện 1.552.721 nghìn đồng;**

**2/. Chi thường xuyên: thực hiện 4.546.959 nghìn đồng, đạt 66% so với dự toán năm 2022, trong đó:**

- Chi dân quân tự vệ : Thực hiện 430.153 nghìn đồng đạt 69% so với dự toán năm 2022;

- Chi an ninh trật tự: Thực hiện 229.124 nghìn đồng, đạt 46% so với dự toán năm 2022;





- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Thực hiện 3.621.229 nghìn đồng, đạt 68% so với dự toán năm 2022;

- Chi cho công tác xã hội: Thực hiện 87.183 nghìn đồng, đạt 75% so với dự toán năm 2022

**3. Dự phòng ngân sách chi 134.000 nghìn đồng đạt 100% kế hoạch.**

**III/. Đánh giá chung:**

Nhìn chung, trong 9 tháng đầu năm, bộ phận kế toán đã chủ động tham mưu trong công tác tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ hoạt động các ngành, các bộ phận, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, các chế độ chính sách, các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 9 tháng năm 2022 (Chi tiết theo biểu số 113,114,115/CKTC-NSNN kèm theo)./.

**Nơi nhận:**

- Đảng ủy, HĐND ( b/c )
- Lưu: VP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH



Lê Minh Thảo

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022**

ĐVT : Nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2022	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>6.858.000</b>	<b>7.347.343</b>	<b>107.14</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	230.000	354.155	153.98
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	499.000	465.504	93.29
3	Thu bổ sung	6.129.000	6.467.684	105.53
	- Thu bổ sung cân đối	6.129.000	4.550.000	74.24
	- Thu bổ sung có mục tiêu		1.917.684	
4	Thu chuyển nguồn		60.000	
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>6.658.000</b>	<b>6.099.680</b>	<b>91.61</b>
1	Chi đầu tư phát triển		1.552.721	
2	Chi thường xuyên	6.445.000	4.412.959	68.47
3	Dự phòng	134.000	134.000	100.00
4	Tiết kiệm chi	79.000		

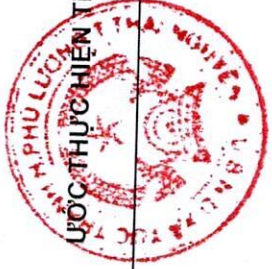
Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM				ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2022				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN		THU NSX		THU NSNN		THU NSX		THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2				
A	B										
I	TỔNG THU	415.000	6.858.000	287.499	7.347.343	69.28	107.1				
	Các khoản thu 100%	230.000	230.000	171.305	354.156	74.5	154.0				
	Phí, lệ phí	100.000	100.000	73.505	73.506	73.51	73.5				
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác										
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp										
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định										
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định										
	Đóng góp của nhân dân theo quy định										
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân				182.850						
	Thu khác	130.000	130.000	97.800	97.800	75.23	75.2				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	185.000	499.000	116.194	465.503	62.81	93.3				
1	Các khoản thu phân chia	10.000	119.000	13.683	108.540	136.83	91.2				
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	10.000	13.683	13.673	136.83	136.7				
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh				28.200						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		109.000		66.667						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	175.000	380.000	102.511	356.963	58.58	93.9				
	Thuế Tài nguyên										
	Thuế GTGT	110.000	110.000	62.933	62.933	57.21	57.2				
	Thuế thu nhập cá nhân	65.000	270.000	39.578	294.030	60.89	108.9				

ĐVT : Nghìn đồng





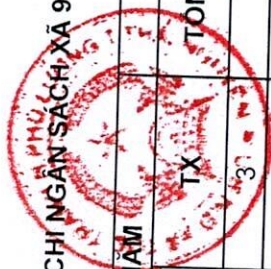
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)								
IV	Thu chuyển nguồn						60.000		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước								
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					6.129.000	-	6.467.684	105.5
	- Thu bổ sung cân đối							4.550.000	74.2
	- Thu bổ sung có mục tiêu					6.129.000		1.917.684	



Tỉnh Thái Nguyên  
Huyện Phú Lương  
Xã Tức Tranh

Biểu số 115/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG NĂM 2022			SO SÁNH %			
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	XDCB	TX	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>									
	<b>Trong đó</b>	<b>6.858.000</b>		<b>6.858.000</b>	<b>6.099.680</b>	<b>1.552.721</b>	<b>4.546.959</b>	<b>89</b>		<b>66</b>
1	Chi dân quân tự vệ	627.583		627.583	430.153		430.153	69		69
2	Chi an ninh trật tự	497.728		497.728	229.124		229.124	46		46
3	Chi y tế	-		-	-		-			
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000		35.000	3.850		3.850	11		11
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-		-	-		-			
6	Chi thể dục thể thao	25.000		25.000	8.000		8.000	32		32
7	Chi bảo vệ môi trường	-		-	-		-			
8	Chi các hoạt động kinh tế	35.000		35.000	-		-			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.308.465		5.308.465	3.654.649		3.654.649	69		69
10	Chi cho công tác xã hội	116.224		116.224	87.183		87.183	75		75
11	Chi khác	79.000		79.000	-		-			
12	Dự phòng ngân sách	134.000		134.000	134.000		134.000	100		100

ĐVT : Nghìn đồng